

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/QĐST-TCDS

Ba Đồn, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và Ông Hoàng Thanh Diện

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLST - TCDS ngày 27/12/2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1935; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Vũ H, sinh năm 1969; địa

chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3.2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà A K đường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T2: ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3.3. Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà D, đường Á, Quốc lộ F, xã K, T, Long An.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh T3; địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3.4. Ông Trần Văn X; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân phường Q; địa chỉ: phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T4, cán bộ tư pháp và ông Nguyễn Văn T5, cán bộ địa chính. Có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T (Thừa kế theo pháp luật của bà Ma Thị M1); ông Trần Vũ H, đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Trần Văn T1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị P, chết năm 2017, vợ của ông Trần Văn T1), gồm: ông Trần Văn H1, ông Nguyễn Anh T3 (Đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị T2 và ông Trần Xuân Đ) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn X (Có thừa đất tiếp giáp với thửa đất của bà Ma Thị M1) đã tự thỏa thuận thống nhất về ranh giới giữa các bên tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 11 (Trước đây là thửa đất số đất số 463, tờ bản đồ số 7) cấp cho bà Ma Thị M1 và thửa đất số 364, tờ bản đồ số 11 (Trước đây là thửa đất số 455, tờ bản đồ số 7) cấp cho ông Trần Văn T1 tại xã Q (N là phường Q), thị xã B, tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

- Thừa kế theo pháp luật của bà Ma Thị M1 gồm bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T sử dụng ranh giới, mốc giới thửa đất số 365, tờ bản đồ số 11 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo sơ đồ là các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8; diện tích 568m².

- Ông Trần Văn T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị P sử dụng ranh giới, mốc giới thửa đất số 364, tờ bản đồ số 11 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo sơ đồ là các điểm 1', 2', 3', 4', 5', 6', 7', 8', 9' 4, 3, 2, 1, 8, 10', 11'; diện tích 1.195,2m².

(Theo kết quả trích đo hiện trạng sử dụng đất của các bên đã thống nhất tại

thực địa).

2.2. Ông Trần Văn T1 và thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm tự nguyện di dời, tháo dỡ, phá bỏ công trình tạm và cây cối đã xây dựng và trồng trọt trước đây để đảm bảo quyền sử dụng đất của hàng thừa kế bà Ma Thị M1 theo sơ đồ các điểm đã thỏa thuận.

2.3. Bà Nguyễn Thị M tạm thời quản lý thửa đất số 365, tờ bản đồ số 11 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo thỏa thuận hiện trạng sơ đồ các điểm như trên. Ông Trần Văn T1 và tạm thời quản lý thửa đất 364, tờ bản đồ số 11 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo thỏa thuận hiện trạng sơ đồ các điểm như trên.

2.4. Bà Nguyễn Thị M, ông Trần Văn T1 cùng những người có quyền sử dụng đất của các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 285026 do UBND huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/12/1992 cho bà Ma Thị M1 đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 365, tờ bản đồ số 11) tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 285118 do UBND huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/12/1992 cho ông Trần Văn T1 đối với thửa đất số 455, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số thửa đất số 364, tờ bản đồ số 11) tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo quy định của pháp luật.

2.5. Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (*UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh Văn phòng quản lý đất đai thị xã B*) thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 285026 do UBND huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/12/1992 cho bà Ma Thị M1 theo thừa kế theo pháp luật của bà Ma Thị M1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 285118 do UBND huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/12/1992 cho ông Trần Văn T1 đối với các thửa đất số 364 và 365, tờ bản đồ số 11 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo quy định của pháp luật.

(Vị trí, sơ đồ các thửa đất cụ thể kèm theo Quyết định này).

2.6. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, bà M đã thực hiện xong.

2.7. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện nhận nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003520 ngày 26 tháng 12 năm 2022. Xác nhận bà M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;*

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì trí, sơ đồ các thửa đất:

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức